TRƯỜNG CAO ĐẲNG
THỐNG KÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SV CĐ K18E THI KẾT THÚC KỲ II(ĐỢT 1) NĂM 2022-2023

Môn học: **TIẾNG ANH 2*(Kỹ năng nói)***

Ca 2: 9h 00' ngày 28 tháng 5 năm 2023 Hội trường: **D201**

TT	SBD	Họ và tên		N.Sinh	Lớp	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài	Điểm thi		Ghi chú
									Bằng số	Bằng chữ	
1	**01**	Nguyễn Thị Mai	**Anh**	06-08-2001	KTE	TA2					
2	**02**	Nguyễn Thị Kim	**Anh**	13-12-1998	QTNLE	TA2					
3	**03**	Nguyễn Thị	**Cúc**	05-08-2000	KTE	TA2					
4	**04**	Nguyễn Thị Lan	**Anh**	07-12-2002	QTKDE	TA2					
5	**05**	Hồ Thị	**Duyên**	09-08-2000	KTE	TA2					
6	**06**	Nguyễn Thị	**Ân**	29-05-2001	QTKDE	TA2					
7	**07**	Nguyễn Xuân	**Đương**	13-09-1989	KTE	TA2					
8	**08**	Hoàng Thị	**Ban**	08-02-2000	QTKDE	TA2					
9	**09**	Nguyễn Thị Quỳnh	**Giao**	22-06-2004	KTE	TA2					
10	**10**	Nguyễn Quốc	**Bảo**	04-08-2003	QTKDE	TA2					
11	**11**	Nguyễn Thị	**Hà**	21-09-1983	KTE	TA2					
12	**12**	Trương Văn	**Bắc**	12-09-2003	QTKDE	TA2					
13	**13**	Lê Thị	**Hạnh**	30-12-2000	KTE	TA2					
14	**14**	Chu Văn	**Bằng**	02-08-2001	QTKDE	TA2					
15	**15**	Nguyễn Thị	**Hằng**	05-10-1995	KTE	TA2					
16	**16**	Nguyễn Thị	**Chanh**	10-02-1997	QTKDE	TA2					

Tổng số dự thi:.....Vắng.....
SBD vắng:.....

Cán bộ coi thi 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CAO ĐẲNG
THỐNG KÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SV CĐ K18E THI KẾT THÚC KỲ II(ĐỢT 1) NĂM 2022-2023

Môn học: **TIẾNG ANH 2*(Kỹ năng nói)***

Ca 2: 9h 00' ngày 28 tháng 5 năm 2023 Hội trường: **D203**

TT	SBD	Họ và tên		N.Sinh	Lớp	Môn thi	Số tờ	Ký nộp bài	Điểm thi		Ghi chú
									Bằng số	Bằng chữ	
1	**17**	Trần Thị	**Hậu**	03-06-2001	KTE	TA2					
2	**18**	Nguyễn Thị	**Diệp**	06-01-2003	QTKDE	TA2					
3	**19**	Bùi Thị	**Hòa**	08-06-2004	KTE	TA2					
4	**20**	Nguyễn Thành	**Dư**	13-06-2001	QTKDE	TA2					
5	**21**	Nguyễn Hồng	**Huệ**	08-12-2001	KTE	TA2					
6	**22**	Lê Xuân	**Dương**	31-05-1996	QTKDE	TA2					
7	**23**	Hoàng Huy	**Hùng**	17-06-1996	KTE	TA2					
8	**24**	Ngô Thị	**Én**	15-02-1999	QTKDE	TA2					
9	**25**	Đỗ Thị Khánh	**Huyền**	21-05-2000	KTE	TA2					
10	**26**	Phạm Hải	**Hà**	01-02-1992	QTKDE	TA2					
11	**27**	Nguyễn Thị	**Huyền**	03-06-2004	KTE	TA2					
12	**28**	Đặng Thu Lan	**Hảo**	01-09-2003	QTKDE	TA2					
13	**29**	Triệu Thị	**Huyền**	24-07-2000	KTE	TA2					
14	**30**	Hoàng Thu	**Hiền**	13-10-2004	QTNLE	TA2					
15	**31**	Phạn Thu	**Hương**	10-11-2003	KTE	TA2					
16	**32**	Nguyễn Thị	**Hoà**	21-07-1992	QTKDE	TA2					

Tổng số dự thi:.....Vắng.....
SBD vắng:.....

Cán bộ coi thi 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi 2
(Ký, ghi rõ họ tên)